

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: Xã hội học; **Chuyên ngành:** Xã hội học chung

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI THU HƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/07/1975; Nam ; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28, Ngõ 1150, Đường Láng, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Bùi Thu Hương, Khoa Xã hội học và Phát triển, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy,
Hà Nội; **Điện thoại di động:** 0839671975;

Địa chỉ email: buithuhuong@ajc.edu.vn/ huongbui75@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 1 năm 1996 đến 12 năm 1997: Giảng viên tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo
Bồi dưỡng cán bộ Ngành Xây dựng

- Từ tháng 01 năm 1998 đến 12 năm 2010: Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển,
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Từ tháng 01 năm 2011 đến 03 năm 2021: Giảng viên chính Khoa Xã hội học và Phát
triển, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Từ tháng 04 năm 2022 đến nay: Giảng viên Cao cấp Khoa Xã hội học và Phát triển,
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- **Chức vụ hiện nay:** Giảng viên Cao cấp

- **Cơ quan công tác hiện nay:** Khoa Xã hội học và Phát triển- Học viện Báo chí và
Tuyên truyền

Địa chỉ cơ quan: 36 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0437 546963 (máy lẻ 814, 815)

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi công tác sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng đại học ngày 26 tháng 1 năm 1996; số văn bằng: A144082; ngành Tiếng Anh; Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng đại học ngày 27 tháng 12 năm 2002; số văn bằng: QC012331; ngành Xã hội học; Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày 18 tháng 07 năm 2007; ngành Xã hội học; Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Đại học tổng hợp Hull, Vương quốc Anh.

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 14 tháng 10 năm 2015; ngành Xã hội học; Nơi cấp bằng đại học (trường, nước): Đại học La Trobe, Melbourne, Úc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Xã hội học;

Liên ngành: Triết học – Xã hội học – Chính trị học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Hướng nghiên cứu 1: Các vấn đề lý luận và thực tiễn nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giới, tình dục và sức khỏe.

Hướng nghiên cứu này hình thành trong những năm tháng đầu tiên ứng viên bắt đầu công tác tại Khoa Xã hội học (tiền thân của Khoa Xã hội học và Phát triển hiện nay) thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trong thời gian này, ứng viên vừa tham gia vào các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Khoa và vừa đảm nhiệm vai trò trợ lý hành chính của Dự án nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên đưa tin về Dân số và Phát triển do Học viện thực hiện và Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc (UNFPA) hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí. Bên cạnh yêu cầu trau dồi kiến thức chuyên môn xã hội học để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bản thân các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và xây dựng tài liệu của Dự án không chỉ tạo cho ứng viên các cơ hội tiếp xúc và trau dồi kiến thức sâu rộng về các vấn đề liên quan đến dân số, phát triển, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, văn hoá và truyền thông mà còn giúp ứng viên định hình các quan tâm nghiên cứu của bản thân về các chủ đề này. Với hướng nghiên cứu này, ứng viên đã công bố 07 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành có uy tín bằng tiếng Việt [7.12] [7.13] [7.20] [7.21] [7.29] [7.33] [7.36], 06 bài trên tạp chí quốc tế trong danh mục Scopus [7.1] [7.2] [7.3] [7.4] [7.5] [7.6] và 03 bài

đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín ngoài danh mục Scopus [7.7] [7.8] [7.9]; 01 bài báo cáo khoa học trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế [7.10]; Tham gia biên soạn 01 sách tham khảo [5.1].

+ *Hướng nghiên cứu 2: Các vấn đề lý luận và thực tiễn nghiên cứu văn hoá, truyền thông và phương tiện.*

Trong quá trình giảng dạy và đặc biệt là hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và tốt nghiệp, ứng viên nhận thấy sinh viên gặp khó khăn khi phải tổng quan, xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp, thao tác hoá khái niệm và xây dựng các khung lý thuyết làm cơ sở cho việc thực hiện đề tài; và, nếu có, các em chủ yếu dựa nhiều vào cơ sở lý luận của các luận văn, luận án đã có. Các em khó tiếp cận, trau dồi, rèn giũa các kỹ năng và cập nhật kiến thức cần thiết như thế phần nhiều là do khả năng ngoại ngữ còn hạn chế. Do vậy, ứng viên bắt đầu tập trung hơn vào viết các bài báo khoa học tổng quan giới thiệu và phân tích các lý thuyết, phương pháp luận và thảo luận đương đại về văn hoá, truyền thông và phương tiện. Các bài báo khoa học này đã tạo dựng và củng cố Hướng nghiên cứu thứ 2 của ứng viên. Cụ thể, ứng viên đã công bố 19 bài báo khoa học [7.14] [7.15] [7.16] [7.17] [7.18] [7.19] [7.22] [7.23] [7.24] [7.25] [7.26] [7.27] [7.28] [7.30] [7.31] [7.32] [7.34] [7.35] [7.37]; 05 báo cáo khoa học trong Hội thảo quốc tế [7.11] [7.38] [7.39] [7.40] [7.41], 01 báo cáo khoa học trong Hội thảo quốc gia [7.42]; Chủ biên và tham gia biên soạn 02 giáo trình [5.5] [5.6], 02 sách tham khảo [5.2] [5.4] và 02 sách chuyên khảo [5.3] [5.7].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

14.1. Kết quả đào tạo

- Đang tham gia với tư cách đồng hướng dẫn 02 NCS thực hiện luận án tiến sĩ, trong đó, có 01 NCS đang nghiên cứu tại Đại học Leuven, Bỉ và có lịch bảo vệ ngày 2/9/2022.

- Đã hướng dẫn 05 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học.

14.2. Kết quả nghiên cứu khoa học

- Thứ nhất, về thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học:

+ Sau khi được công nhận TS, ứng viên là chủ nhiệm 04 đề tài cơ sở (nghiệm thu năm 2017, 2018, 2019 và năm 2021) và chủ nhiệm 01 đề tài cơ sở trọng điểm (nghiệm thu năm 2018); và là nghiên cứu viên trưởng và viết báo cáo trong 02 đề tài hợp tác xuyên quốc gia do Liên Minh Châu Âu tài trợ (Học viện Báo chí Tuyên truyền là một trong các thành viên tham gia dự án): MEDLIT (2016-2018) và MOTIVE (2020-2023);

+ Trước khi được công nhận TS, ứng viên tham gia nhiều đề tài hợp tác trong và ngoài Khoa, Học viện với tư cách nghiên cứu viên trưởng và/hoặc nghiên cứu viên. Trong đó có thể kể đến một số đề tài và nhiệm vụ tiêu biểu như: 1) thành viên tham gia và viết báo cáo chuyên đề 02 đề tài hợp tác với Viện nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (nghiệm thu 2008); 2) Thành viên tham gia và viết báo cáo chuyên đề trong 01 đề tài hợp tác với Viện Friedrich Ebert Stiftung (FES), Đức năm 2006 (Sự tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng của người dân vùng Tây Bắc); và 3) 04 đề tài hợp tác quốc tế do Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội thực hiện (Nghiên cứu Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam năm 2007; Nghiên cứu đóng góp kinh tế của phụ nữ thông qua công việc không được trả công năm

2008; Nghiên cứu Quốc gia về Sức khỏe và Gia đình Việt Nam giai đoạn 2007-2011; và Thực trạng giảm hại của Việt Nam, Dự án LEARN giai đoạn 2008-2011).

- Thứ hai, về biên soạn các tài liệu phục vụ đào tạo, ứng viên là chủ biên và tham gia biên soạn các giáo trình, sách chuyên khảo và tham khảo tiêu biểu như sau:

+ Giáo trình: **Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội- Một tiếp cận thực hành**, NXB Thế Giới, Hà Nội, 2019 (Chủ biên và biên soạn)

+ Giáo trình: **Thiết kế nghiên cứu**, NXB Thế giới, Hà Nội, 2017 (Chủ biên và biên soạn);

+ Sách chuyên khảo: **Văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá**, NXB Thế Giới, Hà Nội, 2022 (Chủ biên và biên soạn)

+ Sách tham khảo: **Phân tích sản phẩm truyền thông**, NXB Thế Giới, Hà Nội, 2022 (Chủ biên và biên soạn).

+ Sách chuyên khảo: **Truyền thông Xã hội**, NXB Thế Giới, Hà Nội, 2016 (Đồng chủ biên và biên soạn)

- Thứ ba, nghiên cứu và công bố các công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Ứng viên đã công bố **26** bài báo đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước; **09** bài báo đăng tải trên tạp chí bằng tiếng Anh, trong đó, 06 bài báo khoa học đăng tải trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục Scopus; **06** bài trong Kỷ yếu khoa học Quốc tế, trong đó 02 bài bằng tiếng Anh; và **01** bài đăng trong Kỷ yếu khoa học quốc gia. Một số công trình tiêu biểu là:

+ Huong Bui (2020), “**‘Being a good girl’: Mother-Daughter Sexual Communication in Contemporary Vietnam**”, *Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care*, Volume 22, Issue 4, pp. 794–807 (<https://doi.org/10.1080/13691058.2020.1742383>; Scopus)

+ Huong Bui and Pranee Liamputtong (2018), “**‘There was a struggle between my instinct and my head’: Women’s perception and experience of masturbation in contemporary Vietnam**”, *Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care*, Volume 20, Issue 5, pp. 504-515 (<https://doi.org/10.1080/13691058.2017.1359339>; Scopus)

+ Bui Thu Huong (2018), “**Women's Position in Vietnam- A Critical Literature Review**”, *Journal of Social Sciences and Humanities*, Vol. 4, No. 5, pp. 611-626 (<https://dx.doi.org/10.1172/vjossh.v4i5.396>)

+ Bui Thu Huong (2018), “**Applicability of Michel Foucault's Theoretical Framework in Studies on Issues of Female Sexuality in Vietnam**”, *Vietnam Journal of Gender and Families. Vietnam Social Sciences*, June, Vol. 13, No. 1, pp. 17-37 (<http://ifgs.vass.gov.vn/journal/Journal-of-Family-and-Gender-Studies--English-version-/No.-1---2018.html>)

+ Huong Bui (2010), “**Let’s talk about sex, baby’: Sexual communication in marriage in contemporary Vietnam**”, *Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care*, Volume 12, Issue 5, Sup. 1, pp. 19-29 (<https://doi.org/10.1080/13691050903072025>; Scopus)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
Hàng năm	Lao động tiên tiến	
2018	Giấy khen	“Đã có công trình nghiên cứu khoa học được công bố quốc tế năm 2017”, Quyết định số 464/QĐ-HVBC&TT, ngày 28/01/2018; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
2018	Giấy khen	“Giảng viên xuất sắc” tại Hội thi Giảng viên giỏi cấp cơ sở lần 3 năm 2018, Quyết định số 2254/QĐ-HVBC&TT, ngày 24/05/2018; Học viện Báo chí và Tuyên truyền Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
2018	Giấy khen	“Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, QĐ số 5868/QĐ-HVCTQG, ngày 18 tháng 12 năm 2018; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2018	Giấy khen	“Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2018”, Quyết định QĐ-HVBC&TT, ngày 30/09/2019; Học viện Báo chí và Tuyên truyền do, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
2019	Kỷ niệm chương	“Đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh”, Quyết định số 5424-QĐ/HVCTQG, ngày 08/11/2019
2020	Giấy khen	“Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020”, Quyết định số 1750/QĐ-HVBC&TT, ngày 14/05/2020; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
2020	Giấy khen	“Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, QĐ số 5582-QĐ/HVCTQG, ngày 09 tháng 12 năm 20120; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Giấy khen	“Đã có công trình nghiên cứu khoa học được công bố quốc tế năm 2020”, Quyết định số 1209/QĐ-HVBC&TT, ngày 04/03/2021; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Nghiên cứu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục hiện hành (Số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), ứng viên thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

1.1. Về tiêu chuẩn nhà giáo

a) Có tư cách đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn giữ quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên, thường xuyên trao đổi tư cách đạo đức của người giảng viên, tận tâm với công việc nghiên cứu, giảng dạy và tận tình với sinh viên, học viên, trung thực trong quá trình nghiên cứu khoa học. Qua nhiều năm công tác, ứng viên không bị bất cứ hình thức kỷ luật nào.

b) Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm: Ứng viên đã được đào tạo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể là: Tốt nghiệp đại học chính quy ngành Xã hội học (Văn bằng 2) tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; có bằng Thạc sĩ ngành Xã hội học tại Đại học tổng hợp Hull, Anh năm 2007 và bằng Tiến sĩ ngành Xã hội học tại Đại học La Trobe, Úc năm 2015;

c) Cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về các kỹ năng nghiên cứu khoa học, các kiến thức và kỹ năng liên quan tới không chỉ Xã hội học mà còn những lĩnh vực cụ thể hơn như văn hoá, truyền thông, giới và sức khoẻ. Trong đó có thể liệt kê một số lớp đào tạo, bồi dưỡng ứng viên đã tham gia và được cấp các chứng chỉ như:

- Bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính;
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I);
- Chứng chỉ tin học ứng dụng- Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT)
- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, ứng viên được tập huấn bài bản và chuyên sâu về các kỹ năng sư phạm, giao tiếp và thuyết trình; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt và chịu được áp lực cao trong công việc;

d) Bảo đảm sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp: Có sức khoẻ tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên đại học.

1.2. Về nhiệm vụ: Tự đánh giá về bản thân, trong nhiều năm qua, ứng viên đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam được quy định ở Điều 69 Luật Giáo dục hiện hành, cụ thể:

a) Nghiêm túc giảng dạy, giáo dục theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục đại học, sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà cơ sở đào tạo giao phó như giảng dạy, nghiên cứu; tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học; là thành viên hội đồng khoa học Khoa, tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, hội đồng nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp Bộ chuyên ngành Xã hội học, Báo chí và Truyền thông tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và một số cơ sở đào tạo trong nước khác; đã tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở; đã làm chủ nhiệm 05 đề tài khoa học cấp cơ sở, tham gia viết bài cho các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; giảng dạy chương trình đại

học và sau đại học học chuyên ngành Xã hội học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền; hướng dẫn 05 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ Xã hội học.

b) Gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Học viện; Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân ở cơ quan công tác và nơi sinh sống;

c) Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; đối xử công bằng với các học viên, sinh viên; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học viên, sinh viên; Có tinh thần đoàn kết, tương trợ và hợp tác với các đồng nghiệp trong và ngoài Khoa và Nhà trường trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác.

d) Không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và làm gương tốt cho học viên và sinh viên;

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 24 năm 5 tháng (Xác nhận của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, số 2720-XH/HVBCTT ngày 06/06/2022).

- Các nhiệm vụ đào tạo được thực hiện trong 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến hết ngày nộp hồ sơ cụ thể như sau:

TT	Khoảng thời gian	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khoá luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Giảng dạy		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH/CC	SĐH	
1	2016 - 2017	0	0	0	2	312	45	357/428,42/260
2	2017 - 2018	0	0	2	5	341,4	45	386,4/554,38/260
3	2018 - 2019	0	0	2	2	282	45	327/382,6/280
3 năm học cuối								
4	2019 - 2020	0	0	0	1	356,4	(Không mở lớp)	356,4/473,63/280
5	2020 - 2021	0	0	2	2	346,4	45	391,4/463,73/280
6	2021 - 2022	0	0	0	2	463,2	0	463.2/595,10/290

- Được bổ nhiệm ngạch giảng viên chính từ 01/01/2011 đến 31/03/2021; Được bổ nhiệm ngạch giảng viên cao cấp từ 01/04/2022 đến nay.

- Năm học 2016-2017, 2017-2018, thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2013 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, thực hiện theo Quyết định số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:

- Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; Tại nước : Anh và Úc

- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐ ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: A144082; năm cấp 1996

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Bằng cử nhân ngành tiếng Anh; số văn bằng: A144082; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam; Khoá học: 1991-1995.

- Bằng thạc sỹ ngành Xã hội học; Đại học tổng hợp Hull, Vương quốc Anh; Khoá học: 2005-2007.

- Bằng tiến sỹ ngành Xã hội học; Đại học La Trobe, Melbourne, Úc; Khoá học: 2011-2015.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn (từ- đến)	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Thu Trang		X	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019
2	Nguyễn Thuỳ Linh		X	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019
3	Keoviengphet Khamaon		X	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019
4	Bùi Thị Duyên		X	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn (từ- đến)	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
5	Chanthasone Nelatxay		X	X		2020-2021	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	24/12/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (Từ trang... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH
Trước khi được công nhận TS (02 sách/chương sách)							
1	Asian Women and Intimate Work (ISSN 978-90-04-22692-0)	TK	Printforce, The Netherland, 2014	Nhiều tác giả	Tham gia biên soạn	Chương 6 (167-188)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
2	Truyền thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	TK	Nxb Dân trí, 2009	Nhiều tác giả	Tham gia biên soạn	Bài 8 (129-137)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
Sau khi được công nhận TS (05 sách/chương sách)							
3	Văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá (ISBN: 978-604-345-909-8)	CK	Nxb Thế giới, 2022	1	Chủ biên và biên soạn MM	Toàn bộ (1-189)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
4	Phân tích sản phẩm truyền thông (ISBN: 978-604-345-908-1)	TK	Nxb Thế Giới, 2022	1	Chủ biên và biên soạn MM	Toàn bộ (1-185)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
5	Truyền truyền vận động các vấn đề xã hội (ISBN: 978-604-775443-4)	GT	Nxb Thế Giới, 2019	1	Chủ biên và biên soạn MM	Toàn bộ (1-242)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
6	Thiết kế nghiên cứu – Một số vấn đề cơ bản (ISBN: 978-604-77-3273-9)	GT	Nxb Thế Giới, 2017	1	Chủ biên và biên soạn MM	Toàn bộ (1-287)	Số: 2952/XN-HVBC&TT
7	Truyền thông xã hội (ISBN: 978-60477-2823-7)	CK	Nxb Thế Giới, 2016	Nhiều tác giả	Đồng chủ biên	Chương 2 (32-65)	Số: 2952/XN-HVBC&TT

Trong đó, 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên và biên soạn là tài liệu số [5.3].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận TS (Chỉ tham gia với tư cách nghiên cứu viên trưởng/nghiên cứu viên)					
Sau khi được công nhận TS (CN 06 đề tài, NCVT 01 đề tài)					
1	Nghiên cứu “Khảo sát xu hướng việc làm của sinh viên Việt nam sau tốt nghiệp” do Học viện Báo chí và Tuyên truyền thực hiện.	TV, xử lý số liệu và viết báo cáo	Đề tài nghiên cứu quốc tế trong khuôn khổ Dự án cùng tên được Liên minh châu Âu tài trợ trong giai đoạn 2020-2023	2021	2023 (Kết quả nghiên cứu hợp phần 1 được nhà tài trợ thông qua)
2	Xã hội học văn hoá (GT nội bộ)	CN	Đề tài cấp cơ sở/ CS70-2021	2021	2021/ Xuất sắc
3	Phân tích sản phẩm truyền thông	CN	Đề tài cấp cơ sở/ CS31-2019	2019	2019/ Xuất sắc
4	Một số quan điểm xã hội học đương đại về văn hoá	CN	Đề tài cấp cơ sở trọng điểm/ 13-2017 CSHT	2018	2018/ Xuất sắc
5	Văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá	CN	Đề tài cấp cơ sở/ CS23-2018	2018	2018/ Xuất sắc
6	Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội	CN	Đề tài cấp cơ sở/ 22-2017 CS	2017	2017/ Xuất sắc
7	Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội	Đồng CN, thiết kế, giám sát nghiên cứu, xử lý số liệu và viết báo cáo tổng quan	Hợp phần nghiên cứu truyền thông quốc tế “Media Literacy as a Media Competence Program for Social Change” do liên minh Châu Âu tài trợ	2016	2019 (Được nhà tài trợ thông qua)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học: Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ BẰNG TIẾNG ANH (11 bài)								
Trước khi được công nhận TS (04 bài)								
Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành tiếng Anh trong danh mục Scopus (04 bài)								
1	Harm Reduction and ‘Clean’ Community: Can Vietnam have both? (https://doi.org/10.1186/1477-7517-9-25)	6		Harm Reduction Journal/ ISSN: 1477-7517	Scopus (IF: 4,362; Q1)	Crosreff (07); WOS (08)	Vol. 9, Iss. 25, tr. 1-10	2012
2	Book Review: Transcultural bodies:	1	X	Culture, Health & Sexuality: An	Scopus (IF:		Vol. 14, Iss.	2012

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	female genital cutting in global context (https://doi.org/10.1080/13691058.2011.643544)			International Journal for Research, Intervention and Care/ Print ISSN: 1369-1058	2,969; Q1)		4, Tr. 463-465	
3	Book Review: Porn-Philosophy for everyone: How to think with kink (https://doi.org/10.1080/13691058.2012.703795)	1	X	Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care/ Print ISSN: 1369-1058	Scopus (IF: 2,969; Q1)		Vol. 14, Iss. 7, Tr. 845-847	2012
4	Let's talk about sex, baby': Sexual communication in marriage in contemporary Vietnam (https://doi.org/10.1080/13691050903072025)	1	X	Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care/ Print ISSN: 1369-1058	Scopus (IF: 2,969; Q1)	Crossreff (16); WOS (13); Scopus (18)	Vol. 12, Iss. 5, Sup. 1, Tr. 19-29	2010
Sau khi được công nhận TS (07 bài)								
Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành tiếng Anh trong danh mục Scopus (02 bài)								
5	'Being a good girl': Mother-Daughter Sexual Communication in Contemporary Vietnam (https://doi.org/10.1080/13691058.2020.1742383)	1	X	Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care/ Print ISSN: 1369-1058	Scopus (IF: 2,969; Q1)	Crossreff (3); WOS (3); Scopus (3)	Vol. 22, Iss. 4, Tr. 794-807	2020
6	"There was a struggle between my instinct and my head': Women's perception and experience of masturbation in contemporary Vietnam (https://doi.org/10.1080/13691058.2017.1359339)	2	X	Culture, Health & Sexuality: An International Journal for Research, Intervention and Care/ Print ISSN: 1369-1058	Scopus (IF: 2,969; Q1)	Crossreff (3); WOS (3); Scopus (3)	Vol. 20, Iss. 5, Tr. 504-515	2018
Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành tiếng Anh ngoài danh mục Scopus (03 bài)								
7	Women's Position in Vietnam- A Critical Literature Review (http://dx.doi.org/10.1172/vjssh.v4i5.396)	1	X	Journal of Social Sciences and Humanities/ ISSN 2354-1172			Vol. 4, No. 5, Tr. 611-626	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
8	Applicability of Michel Foucault's Theoretical Framework in Studies on Issues of Female Sexuality in Vietnam (http://ifgs.vass.gov.vn/journal/Journal-of-Family-and-Gender-Studies--English-version-/No.-1---2018.html)	1	X	Vietnam Journal of Gender and Families. Vietnam Social Sciences/ ISSN: 1859-1329			June, Vol. 13, No. 1, Tr. 17-37	2018
9	Mediated representation of sex and pleasure in contemporary Vietnam: a case of <i>Lửa Ấm</i> magazine (http://ifgs.vass.gov.vn/journal/Journal-of-Family-and-Gender-Studies--English-version-/No.-1---2016.html)	2	X	Vietnam Journal of Gender and Families. Vietnam Social Sciences/ ISSN: 1859-1329			June, Vol. 11, No. 1, Tr. 53-75.	2016
Báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo tiếng Anh (02 bài)								
10	'I am better than him but...': Case studies of 'good' Hanoian women's negotiation strategies in pursuit of marital satisfaction in urban Vietnam	1	X	Hội thảo quốc tế: "RC06-VSA The family in modern and global societies: Persistence and change"/ ISBN: 978-604-340-032-8			Tháng 12, Tr. 282-304	2021
11	Passive vs. Active: The Stakeholders' Paradoxical Conceptualization of Participation as Prerequisite for Media Literacy for Social Change	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "First International Medlit Conference 2018", Kuala Lumpur, Malaysia/ ISBN: 978- 967- 0955-89 - 6			Tháng 3, Tr. 77-92	2018
CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ BẰNG TIẾNG VIỆT (31 bài)								
Trước khi được công nhận TS (02 bài)								
Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành tiếng Việt (02 bài)								
12	Hình ảnh nam giới và nam tính trong các sản phẩm truyền thông ở Phương Tây	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 3, Tr. 58-62	2011
13	Giao tiếp giữa vợ và chồng về những vấn đề liên quan đến tình dục từ quan điểm giới	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 3, Tr. 24-28	2009

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
Sau khi được công nhận TS (29 bài)								
Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành tiếng Việt (24 bài)								
14	Lịch sử và phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông đại chúng	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 4, Tr. 65-70	2022
15	Khảo sát các hoạt động phòng chống dịch Covid-19 được đăng tải trên Báo VNExpress và Báo Sức khỏe & Đời sống điện tử năm 2020	2	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số CĐ 1, Tr.217-220	2022
16	Lịch sử hình thành khái niệm văn hoá đại chúng ở phương Tây	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 10, Tr. 68-72	2021
17	Phương pháp nghiên cứu nội dung định tính trong nghiên cứu truyền thông	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 7, Tr. 50-53	2021
18	Một số vấn đề liên quan đến đạo đức trong các nghiên cứu truyền thông trên không gian ảo	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 2, Tr. 52-56	2021
19	Nhận diện người dùng ví điện tử tiềm năng	3	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số CĐ 3, Tr. 86-88	2021
20	Trải nghiệm trầm cảm sau sinh của phụ nữ đô thị Hà Nội	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới/ ISSN: 1859-1361			Quyển 31, Số 1, Tr. 39-52	2021
21	Nhu cầu hướng nghiệp cho con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên hiện nay	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới/ ISSN: 1859-1361			Số 2, Tr. 101-111	2020
22	Xu hướng McDonald hoá xã hội	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số CĐ 2, Tr. 61-65	2020
23	Đo lường tỷ lệ người nghe/xem trong nghiên cứu công chúng truyền thông	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 8, Tr. 74-77	2020
24	Thực trạng sử dụng Facebook trong học tập của sinh viên HVBCTT	2	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 2, Tr. 85-88	2020

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
25	Mô hình các khoá đào tạo trực tuyến tiếp cận mở qui mô lớn	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 7, Tr. 81-85	2019
26	Lựa chọn và phân tích tin bài trên báo in đưa tin về tham nhũng	2	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 3, Tr. 62-67	2019
27	Phương pháp phân tích nội dung trong nghiên cứu truyền thông	2	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 11, Tr. 68-72	2018
28	Quan niệm và xu hướng nghiên cứu xã hội học văn hoá ở Anh và Mỹ	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 6, Tr. 68-71	2018
29	Một số tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu trầm cảm sau sinh	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới/ ISSN: 1859-1361			Số 4, Tr. 51-59	2018
30	Nghiên cứu Delphi: Một số nội dung cơ bản	1	X	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn/ ISSN 2354-1172			Số 3, Tr. 418-427	2018
31	Xem xét lại khái niệm truyền thông xã hội	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 2, Tr. 31-34	2018
32	Năng lực truyền thông	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 9, Tr. 41-45	2017
33	Lãnh đạo nữ trong khu vực công và tư- Một góc nhìn so sánh	2		Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới/ ISSN: 1859-1361			Số 4, Tr. 58-68	2017
34	Đánh giá thực trạng ảnh hưởng của mạng xã hội đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2		Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 12, Tr. 66-69	2016
35	Nhà báo và nguồn tin mạng xã hội	2		Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 8, Tr. 51-55	2016
36	Một số vấn đề an sinh của Ấn Độ	1	X	Thông tin khoa học Lý luận Chính trị/ ISSN:2354-1040			Số 8, Tr. 65-69	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí QTUT	SL trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
37	Phương pháp phân tích diễn ngôn trong truyền thông về biến đổi khí hậu	1	X	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông/ ISSN: 1859-1485			Số 7, Tr. 65–68	2015
Báo cáo khoa học đăng kỷ yếu hội thảo tiếng Việt (5 bài)								
38	Thông tin về các ca có vi rút Sars-covi-2 trên báo VnExpress và báo Sức khỏe & Đời sống điện tử năm 2020	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch covid-19/ Kỷ yếu Hội thảo (Sắp xuất bản)			Tháng 11, Tr. 237-250	2021
39	Nhận thức của sinh viên khoa xã hội học và phát triển, Học viện Báo chí và Tuyên truyền về “Bệnh định thông tin” trong bối cảnh đại dịch Covid-19	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch covid-19/ Kỷ yếu Hội thảo (Sắp xuất bản)			Tháng 11, Tr. 302-310	2021
40	Nhận thức của các bên liên quan về chủ thể quản lý nhà nước đối với thông tin trên mạng xã hội	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “Quản lý thông tin trên mạng XH trong bối cảnh bùng nổ thông tin”/ ISBN: 978-604-57-6884-6			Tháng 9, Tr. 68-80	2021
41	Nghiên cứu công chúng trong truyền thông chính sách	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "Truyền thông chính sách và năng lực tiếp nhận của công chúng", ISBN:978-604-57-4618-9			Tháng 6, Tr. 58-66	2019
42	Một số thay đổi ảnh hưởng tới nghiên cứu quản lý truyền thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: “Quản lý truyền thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4- Thực trạng và những vấn đề đặt ra”/ Kỷ yếu nội bộ			Tháng 6, Tr. 153-164	2018

Trong đó, sau khi được công nhận tiến sỹ, UV là tác giả chính của 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Scopus [7.5] [7.6]; 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế ngoài danh mục Scopus [7.7] [7.8] [7.9] và 02 báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh được các nhà xuất bản có uy tín xuất bản [7.10] [7.11].

8. Các hoạt động khoa học khác: Tham gia dịch và hiệu đính các tài liệu tham khảo

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Mức độ tham gia
1	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “RC06-VSA The family in modern and global societies: Persistence and change”	Sách chuyên khảo	Nxb. Tri thức, năm 2021 (ISBN: 978-604-340-032-8)	Nhiều tác giả	Tham gia hiệu đính
2	Văn hoá, xã hội và tình dục	Sách chuyên khảo	Nxb. Văn hoá thông tin, năm 2013 (ISBN: 893-5-077-14120-7)	Nhiều tác giả	Tham gia dịch và hiệu đính

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UỶ PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 TKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UỶ không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Ứng viên đề xuất thay thế 01 sách chuyên khảo uy tín. Cụ thể, sách chuyên khảo *Văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá* [5.3] do ứng viên là chủ biên và biên soạn và được Nhà Xuất bản Thế Giới xuất bản theo Quyết định xuất bản số: 191/QĐ-ThG cấp ngày 11 tháng 3 năm 2022; In xong và nộp lưu chiểu năm 2022; Mã ISBN: 978-604-345-909-8.**

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký



BÙI THU HƯƠNG